BỆNH VIỆN ĐỨC KHANG

500 Ngô Gia Tự- Phường 09- Quận 5

Điện thoại: 0283.8537797

BẢNG GIÁ NHÀ THUỐC DỊCH VỤ 2024

STT	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THƯƠNG MẠI	ĐVT	GIÁ DKMC	GHI CHÚ
	A. THUỐC				
1	Acetylcysteine	Acecyst 200mg	Viên	282	
2	Acetylcysteine	Acecyst 200mg	Viên	224	
3	Acid amin*	Acid Amin 7.2% 200ml	Chai	120,750	
4	Acyclovir	Acyclovir 800mg	Viên	4,400	
5	Calci carbonat; Cholecalcifer	Agi-Calci 1250mg; 200UI	Viên	966	
6	Methyldopa	Agidopa 250mg	Viên	776	
7	Acyclovir	Agiclovir 0.25g/5	Tupe	10,486	
8	Furosemide	Agifuros 40mg	Viên	99	
9	Losartan kali	Agilosart 50mg	Viên	3,080	
10	Paracetamol; Ibuprofen	Alaxan 325mg; 200mg	Viên	1,310	
11	Ethanol 96%	Alcool 70°, chai 1000ml	Chai	30,896	
12	Allopurinol	Allopurinol 300mg	Viên	1,138	
13	Alpha chymotrypsin	Alpha Chymotrysin Choay 21 microkatals	Viên	2,212	
14	Alpha chymotrypsin	Alphachoay 2100IU	Viên	2,383	
15	Irbesartan	Aprovel 150mg	Viên	10,230	
16	Acarbose	ARBOSNEW 50mg	Viên	679	
17	Acetylsalicylic acid	Aspirin 81mg	Viên	159	
18	Amoxicilin; Acid clavulanic	Augmentin tablets 1g	Viên	17,848	
19	Amoxicilin; Acid clavulanic	Augmentin tablets 625mg	Viên	12,772	
20	Fluticason Furoat	Avamys 27,5mcg/liều xịt	Bình 120 liều xịt	220,500	
21	Vitamin B1+B2+B6+C+PP	B Complex C	Viên	960	
22	Levothyroxin (muối natri)	Berlthyrox 100mg	Viên	720	
23	Vitamin và khoáng chất	Berocca Performance organge	viên	7,844	
24	Metoprolol	Betaloc Zok 50mg	Viên	5,874	
25	Povidon iodin	Betadin mouth wash 1%	Chai	66,511	
26	Betahistin	Betaserc 24mg	Viên	6,379	
27	Metoprolol	Betaloc Zok 25mg	Viên	4,828	
28	Sắt Fumarat + Acid Folic	Bidiferon 50mg; 0.25mg	Viên	507	
29	Biotin (Vitamin H)	Biosoft 10mg	Viên	4,389	
30	Isosorbid Dinitrate	Biresort 10mg	Viên	725	
31	Bromhexin (hydroclorid)	Bromhexin 8mg	Viên	575	
32	Hyoscin butylbromid	Buscopan 10mg	Viên	1,232	
33	Calcium lactate gluconate 294	CalSource Eft TB Calcium 500mg	Viên sủi	5,537	
34	Captopril	Captopril Stella 25mg	Viên	518	

STT	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THƯƠNG MẠI	ĐVT	GIÁ DKMC	GHI CHÚ
35	Carvedilol	Carvestad 12.5mg	Viên	1,650	
36	Diclofenac	Cataflam 50mg	Viên	5,140	
37	Cefalexin	Cefalexin 500mg	Viên	1,276	
38	Celecoxib	Celebrex 200mg	Viên	12,747	
39	Celecoxib	Celecoxib 200mg	Viên	1,936	
40	Cetirizin	Cetirizin Stella 10mg	Viên	460	
41	Cimetidin	Cimetidin MKP 300mg	Viên	1,065	
42	Cinnarizin	Cinnarizin 25mg	Viên	564	
43	Ciprofloxacin	Ciprobay 500mg	Viên	14,150	
44	Clarithromycin	Clarithromycin stella 500mg	Viên	4,180	
45	Clorphenamin (hydrogen male	Clopheniramin 4mg	Viên	87	
46	Bisoprolol	Concor 5mg	Viên	4,719	
47	Bisoprolol	Concor Cor 2,5mg	Viên	3,461	
48	Amiodaron	Cordarone 200mg	Viên	7,223	
49	Perindopril + amlodipin	Coveram 5mg/ 5mg	Viên	7,050	
50	Perindopril	Coversyl 10mg	Viên	7,580	
51	Perindopril	Coversyl 5mg	Viên	5,380	
52	Rosuvastatin	Crestor 10mg	Viên	10,589	
53	Rosuvastatin	Crestor 10mg	Viên	15,572	
54	Ursodeoxycholic acid	Cuellar 150mg	Viên	4,620	
55	Amoxicillin; Acid clavulanic	Curam 1000mg	Viên	7,265	
56	Amoxicilin + acid clavulanic	Curam 625mg	Viên	4,620	
57	Amoxicilin; Acid clavulanic	Curam 625mg	Viên	4,609	
58	Diosmin + hesperidin	Daflon 450mg; 50mg	Viên	4,275	
59	Menthol, tinh dầu bạc hà, euc	Dầu nóng trường sơn	Chai	23,285	
60	Methyl salicylat + dl-camphor	Dầu xanh Thiên Thảo 12ml	Chai	24,316	
61	Tinh dầu bạc hà; Methol; tinh	Dầu Phật linh Trường Sơn 5ml	Chai	17,799	
62	Trimebutin maleat	Debridat 100mg	Viên	3,197	
63	Cyclic; Polymeric siloxanes; V	Kem trị sẹo Dermatix Ultra 7g	Tupe	201,317	
64	dextromethorphan	Dextromethorphan 15mg	Viên	321	
65	Gliclazid	Diamicron MR 30mg	Viên	2,950	
66	Gliclazid	Diamicron MR 60mg	Viên	5,485	
67	Diltiazem	Diltiazem Stella 60 60mg	Viên	1,430	
68	Valsartan	Diovan 80mg	Viên	10,022	
69	Malva purpurea 250mg; Camp	Domitazol	Viên	2,652	
70	Kẽm (dưới dạng kẽm Glucon	Dozinco 15mg	Viên	1,210	
71	Lactulose	Duphalac 667g/l	Gói	5,206	
72	Paracetamol (acetaminophen)	Efferalgan 500mg	Viên	2,966	
73	Natri Clorid 0,9%	Efticol 0.9% 10ml	Chai	2,888	
74	Itopride hydrochloride	Elthon 50mg	Viên	5,276	
75	Vitamin E	Enat 400 IU	Viên	3,890	
76	Vitamin A; Vitamin D	Enpovit AD 5000IU; 400IU	Viên	401	
77	Bacillus clausii	Enterogermina 4 billion/5ml	Ống	13,781	
78	Erythropoietin	Eritrogen 2000IU	Ống	126,000	
79	Erythropoietin	Eritrogen 4000UI	Ống	227,850	
80	Simethicone	Espumisan Capsules 40mg	Viên	964	

STT	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THƯƠNG MẠI	ĐVT	GIÁ DKMC	GHI CHÚ
81	Menthol + Eucalyptol + Camp	Euca - opc Viên xông 24mg + 224mg + 24mg	Hộp	16,853	
82	N-acetylcystein	Exomuc 200mg	Gói	4,675	
83	Ketoprofen	Fastum gel 2.5g/100g, tube 30g	Tupe	50,825	
84	Febuxostat	Feburic 80mg	Viên	27,526	
85	Febuxostat	Fexogold (acid uric) 80mg	Viên	20,865	
86	Monobasic Natri Phosphat + I	Fleet enema 19g+7g	Chai	63,130	
87	Meclizine HCl	Flibga 25 mg	Viên	3,850	
88	Flunarizin	Fluzinstad 5mg	Viên	1,155	
89	Acid folic	Folacid 5mg	Viên	207	
90	Dapagliflozin	Forxiga 10mg	viên	20,330	
91	Fosfomycin	Fosamicin 500mg	Viên	23,433	
92	Alendronate; Colecalciferol	Fosamax plus 70mg; 5600 UI	Viên	119,889	
93	Spironolactone 50mg; Furose	Franilax 50mg; 20mg	Viên	1,320	
94	Fusidic acid	Fucidin 2% (300mg/15g)	Tuýp	80,330	
95	Mebendazol	Fugacar 500mg	Viên	20,942	
96	Gabapentin	Gabantin 300mg	Viên	1,980	
97	Vildagliptin	Galvus 50mg	Viên	8,801	
98	Magne glutamte 0.075g; GAB	Gamalate B6	Viên	10,112	
99	Natri alginate 500mg, Natri bi	Gaviscon 10ml	gói	5,522	
100	Natri alginate 500mg; Natri bi	Gaviscon Dual Action 10ml	gói	7,942	
101	Betamethason 6.4mg; Clotrim	Gentrisone cream 10g	Tube	14,445	
102	Acarbose	Glucobay 50mg	Viên	3,036	
103	Metformin	Glucophage 1g	Viên	4,073	
104	Metformin	Glucophage 500mg	Viên	1,758	
105	Metformin	Glucophage 850mg	Viên	3,786	
106	Sodium Chloride + Sodium B	50 Gói hỗn hợp pha dung dịch rửa mũi NeilMed Sinus Rinse	Hộp	269,850	
107	Hydroxychloroquine	HCQ 200mg	Viên	4,928	
108	Palbociclib	Ibrance 125mg	Viên	692,370	
109	Isosorbid-5-mononitrate	Imdur 60mg	Viên	6,883	
110	Loperamid	Imodium 2mg	Viên	3,052	
111	Sitagliptin; Metformin	Janumet 50mg; 850mg	Viên	11,388	
112	Sitagliptin; Metformin	Janumet 50mg;500mg	Viên	11,388	
113	Sitagliptin; Metformin	Janumet 50mg;1000mg	Viên	11,388	
114	Empagliflozin	Jardiance 25mg	Viên	28,390	
115	Empagliflozin	Jardiance 10mg	Viên	24,687	
116	Esomeprazole	Jaxtas 20mg	Viên	2,365	
117	Kali clorid	Kaleorid 600mg	Viên	2,310	
118	Calcium Polystyrene sulfonate	Kalimate 5g	gói	16,050	
119	Metoclopramid	Kanausin 10mg	Viên	207	
120	Khoáng chất và vitamin thiết	Ketosteril tab	Viên	15,194	
121	Chlorhexidine	Kin gingival mouthwash 250ml 0,12g	Chai	117,600	
122	Chlorhexidine	Kin gingival mouthwash 250ml 0,12g	Chai	101,881	
123	Levofloxacin	L- Stafloxin 500mg	Viên	2,200	

STT	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THƯƠNG MẠI	ĐVT	GIÁ DKMC	GHI CHÚ
124	Letrozole	Letrozsun 2,5mg	Viên	8,881	
125	Fenofibrat	Lipanthyl Supra 160mg	Viên	10,762	
126	Atorvastatin	Lipitor 20mg	Viên	17,057	
127	Fenofibrat	Lipanthyl 200mg	Viên	7,547	
128	Atorvastatin	Lipistad 20	Viên	1,650	
129	Atorvastatin	Lipistad 10mg	Viên	1,150	
130	Pitavastatin	Livalo 2mg	Viên	13,482	
131	Loperamid	Loperamid Stella 2mg	Viên	644	
132	Losartan	Lostad 25mg	Viên	920	
133	Losartan	Lostad 50mg	Viên	1,529	
134	Magnesi lactat; Pyridoxin;	Magne B6 Corbiere 470mg; 5mg	Viên	1,826	
135	Magnesi lactat; Pyridoxin	Magne B6 Corbiere 470mg; 5mg	Viên	1,826	
136	Sulpirid	Maxdotyl 50 mg	Viên	552	
137	Methyl prednisolon	Medrol 16mg	Viên	4,039	
138	Methyl prednisolon	Medrol 4mg	Viên	1,130	
139	Calcitriol	Meditrol 0.25mcg	Viên	2,200	
140	Chlorhexidin digluconat	Medoral 0,2% 250ml	chai	96,300	
141	Acid acetic	Mepatyl 2%(kl/kl)/10ml	Lọ	48,150	
142	Neomycin 35mg; Polymycin E	Mepoly 10ml	Lọ	39,590	
143	Fluticason propionat	Meseca 50mcg/liều xịt, lọ 60 liều xịt	Lọ	102,720	
144	Metronidazol	Metronidazol 250mg	Viên	598	
145	Mecobalamin	Methycobal 500mcg	Viên	3,858	
146	Felodipin	Mibeplen 5mg	Viên	1,155	
147	Nebivolol	Mibelet 5mg	Viên	1,455	
148	Telmisartan	Micardis 40mg	Viên	10,520	
149	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard	Mixtard 100UI	Lọ	67,410	
150	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard	Mixtard 30 FlexPen 300IU/3ml	Bút tiêm	74,900	
151	Meloxicam	Mobic 15mg	Viên	17,322	
152	Meloxicam	Mobic 7.5mg	Viên	9,761	
153	Molnupiravir	Molravir 400mg	Viên	9,550	
154	8 acid amin thiết yếu & 11 Vi	Moriamin Forte	Viên	4,158	
155	Domperidon	Motilium-M 10mg	Viên	2,360	
156	Amoxicilin	Moxacin 500mg	Viên	1,594	
157	Eperison	Myonal 50mg	Viên	3,758	
158	Dimenhydrinate	Naturimin 50mg	Viên	324	
159	Natri hydrocarbonate	Natri Bicarbonate 500mg	Viên	145	
160	Natri Clorid 0,9%	Natri Clorid 0.9% 500ml	Chai	11,797	
161	Natri clorid	Natri clorid (Dùng ngoài) 0,9% 1000ml	Cha	14,445	
162	Natri clorid 0.9%	Natri Clorid 0.9% 1000ml (Vô trùng)	Chai	14,445	
163	Codein camphosulphonat 25m	Neo-Codion	Viên	3,944	
164	Amylase 100mg; Papain 100m	Neopeptin	Viên	2,234	

STT	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THƯƠNG MẠI	ĐVT	GIÁ DKMC	GHI CHÚ
165	Gabapentin	Neurontin 300mg	Viên	12,108	
166	Gabapentin	Neuronstad 300mg	Viên	1,760	
167	Esomeprazole	Nexium mups 20mg	Viên	24,028	
168	Esomeprazol	Nexium mups 40mg	Viên	24,028	
169	Nifedipin	Nifedipin T20 retard 20mg	Viên	598	
170	Ketoconazol	Nizoral Shampoo 200mg/10g 50ml	Chai	49,142	
171	Drotaverin clohydrat	No-spa Forte 80mg	Viên	1,274	
172	Clopidogrel	Noklot 75mg	Viên	758	
173	Tamoxifen	Nolvadex-D 20mg	Viên	6,081	
174	Nước oxy già	Nước oxy già 10 thể tích(3%)	Chai	2,911	
175	Olanzapin	Olanstad 10mg	Viên	862	
176	Natri clorid 520mg; Kali clori	Oresol 245 4.1g	Gói	1,637	
177	Paracetamol (acetaminophen)	Panadol 500mg	Viên	1,006	
178	Paracetamol 500mg; Cafein 6	Panadol Extra	Viên	1,306	
179	Aluminum phosphate	Phosphalugel 20g	Gói	4,814	
180	Piracetam	Piracetam - Egis 800mg	Viên	2,933	
181	Clopidogrel	Plavix 75mg	Viên	17,996	
182	Povidon iode	Povidone 10% 90ml	Chai	8,345	
183	Prednison	Prednison 5mg	Viên	458	
184	Ivabradin	Procoralan 5mg	Viên	10,987	
185	Cao khô lá thường xuân	Prospan 0,7g	Chai	77,411	
186	Rabeprazol	Rabizol 20mg	Viên	11,235	
187	Glycerol	Rectiofar 59,53G	Ống	3,103	
188	Erythropoietin	Recormon 4000IU/0,3ml	bơm tiêm	457,868	
189	Natri carboxymethyl cellulose	Refresh Tear 0.5% 15ml	Chai	68,588	
190	Naphazolin	Rhinex 0.05% 15ml	Chai	5,869	
191	Calcitriol	Rocaltrol 0.25mcg	Viên	5,193	
192	Pinene (alpha+beta); Campher	Rowatinex	Viên	4,084	
193	Ciprofloxacin	Scanax 500mg	Viên	1,254	
194	Vitamin B1 100mg; Vitamin I	Scanneuron	Viên	1,210	
195	Salmeterol+ fluticason propio	Seretide Evohaler DC 25/250mcg, 120 liều xịt	Bình	291,995	
196	Sevelamer	Sevelamer Carbonate 800mg	Viên	9,529	
197	sulfadiazine Bạc	Silvirin 1%, tube 20g	Tupe	18,458	
198	Silymarin	Silygamma 150mg	Viên	4,378	
199	Diosmectit	Smecta 3g	Gói	4,490	
200	Sorbitol	Sorbitol 5g	gói	978	
201	Natri bicarbonat 180mg; Nanc	Spray-C 15ml	Chai	33,170	
202	Alphachymotrypsin	Statripsine 4,2mg	Viên	725	
203	Amlodipin	Stadovas 5mg CAP	Viên	828	
204	Rotundin	Stilux 60mg	Viên	1,260	
205	Flurbiprofen	Strepsils Maxpro mật ong & chanh 8.75mg	Viên	2,412	
206	Flurbiprofen	Strepsils Maxpro 8,75mg	Viên Ngậm	2,241	

STT	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THƯƠNG MẠI	ĐVT	GIÁ DKMC	GHI CHÚ
207	Cinnarizin	Stugeron 25mg	Viên	854	
208	Ginkgo biloba	Tanakan 40mg	Viên	4,655	
209	Imidapril	Tanatril 5mg	Viên	5,244	
210	Sắt sulfat + folic acid	Tardyferon B9	Viên	3,134	
211	Levofloxacin	Tavanic 500mg	Viên	39,109	
212	Tenofovir	Tefostad 300mg	Viên	2,750	
213	Thủy diệt; Toàn yết, Thổ miết	Thông tâm lạc .71.06mg; 47.09mg; 47.09mg;...	Viên	7,490	
214	Thiamazol	Thyrozol 5mg	Viên	1,540	
215	Centella asiatica extract; Vitar	Kem trị sẹo Ticarlox 10g	Tupe	49,227	
216	TINIDAZOL	Tinidazol 500mg	Viên	1,254	
217	Atorvastatin	Tormeg 10mg	Viên	1,122	
218	Linagliptin	Trajenta 5mg	Viên	17,287	
219	Tranexamic acid	Transamin 250ng	Viên	2,420	
220	Cineol + Tinh dầu Gừng + Tir	Tragutan	Viên	791	
221	Tegafur; Gimeracil; Oteracil K	TS-ONE 20mg; 5,8mg; 19,6mg	Viên	127,500	
222	Telmisartan + Amlodipin	Twynsta 40mg/5mg	Viên	13,356	
223	Telmisartan + Amlodipin	Twynsta 80MG/5mg	Viên	14,041	
224	Tyrothricin + tetracain (hydro	Tyrotab 1mg+0,1mg	Viên	395	
225	Tranadol 37.5mg; Paracetamo	Ultracet 37.5mg;325mg	Viên	6,527	
226	Fluconazol	Upetal 150mg	Viên	26,001	
227	Vitamin C	Upsa C 1g	Viên	3,665	
228	Ursodeoxycholic acid	Urxyl 300mg	Viên	5,991	
229	Trimetazidin	Vastarel MR 35mg	Viên	2,976	
230	Salbutamol (sulfat)	Ventolin inhaler 100mcg/liều xịt, bình 200 liều	bình xịt	81,726	
231	Spironolacton	Verospiron 25mg	Viên	2,090	
232	Solifenacin	Vesifix 10mg	Viên	31,030	
233	Vitamin PP	Vitamin PP 500mg	Viên	381	
234	Acid Ascorbic (Vitamin C)	Vitamin C MKP 500mg	Viên	394	
235	Torsemide	Vodocat 5 mg	Viên	6,270	
236	Diclofenac	Voltaren 75mg	Viên	6,618	
237	Diclofenac	Voltaren Emulgel 1.16g/100g, tube 20g	Tube	67,623	
238	Alfuzosin	Xatral XL 10mg	Viên	16,361	
239	Nước biển Sâu	Xisat (Người Lớn) 75ml	chai	26,215	
240	Nước Biển Sâu; Khuynh Diệp	Xisat (Viêm mũi) 75ml	Chai	29,960	
241	Fexofenadine	Xonatrix Forte 180mg	Viên	1,238	
242	Albendazol	Zentel 200mg	Viên	5,992	
243	Capecitabin	Zetabin 500mg	Viên	12,840	
244	Cefuroxim	Zinnat tablets 500mg	Viên	23,679	
245	Anastrozol	Zolotraz 1mg	Viên	4,939	
246	Zoledronic acid	Zoledronic acid fresenius kabi 4mg/	Lọ	393,750	
247	Zopiclone	Zopistad 7.5mg	Viên	2,618	
248	Cetirizin	Zyrtec 10mg	Viên	8,004	
	B. VẬT TƯ Y TẾ				
250		3M 9001V	cái	20,598	

STT	TÊN HOẠT CHẤT	TÊN THƯƠNG MẠI	ĐVT	GIÁ DKMC	GHI CHÚ
251		Băng cuộn y tế	Cuộn	1,946	
252		Băng gạc đắp vết thương vô trùng 9cm x 20cm	Miếng	3,850	
253		Băng gạc đắp vết thương vô trùng 9cm x 25cm	Miếng	4,180	
254		Băng Thun 10cm*3m (thun 3 móc)	Cuộn	12,359	
255		Bông y tế 25g (Bạch Tuyết)	Bịch	6,420	
256		Đai cột sống (nẹp lưng thấp)	Cái	61,793	
257		Đai Desautl	Cái	56,175	
258		Đai xương đòn số 8	Cái	28,088	
259		Gạc 10*10	GÓI	10,224	
260		Khẩu trang y tế 4 lớp Bisou xanh	cái	472	
261		Khẩu trang y tế 4D (Người lớn)	Cái	5,500	
262		Nẹp cẳng chân các cỡ	cái	96,621	
263		Nẹp cẳng chân chống xoay	cái	78,645	
264		Nẹp cánh cẳng tay	Cái	67,410	
265		Nẹp cánh cẳng tay (màu xanh)	Cái	82,390	
266		Nẹp cổ mềm	cái	32,100	
267		Nẹp Iseline	Cái	4,400	
268		Nẹp ngón tay	cái	10,700	
269		Nẹp thun cổ tay	Cái	22,470	
270		Nẹp thun gối	Cái	39,323	
271		Quickstick	Cái	20,465	
272		Salonpas	Hộp	27,232	
273		Salonship	gói	28,783	
274		Túi treo tay (Đai đeo tay 2 mảnh)	Cái	14,606	
275		Urgo Durable (băng keo cá nhân)	Miếng	716	
276		Urgoderm 10m x10cm	Mét	21,828	
277		Urgosyval 1.25cm*5m	cuộn	17,120	
278		Urgotul 10cm x10cm	Miếng	47,722	
279		Vớ cổ tay	Đôi	40,660	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2024

TRƯỞNG KHOA DƯỢC	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
DS. Trần Tuyết Linh	Đỗ Thị Mai Trâm	BS.CKII Tôn Thất Quỳnh Ái

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BỆNH VIỆN ĐỨC KHANG
M.S.D.N: 0302607746 - C.T.T.N.H.H - QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH